

Số: /BC-SGD&ĐT

Lào Cai, ngày tháng 5 năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2023, giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2023-2025 và định hướng triển khai trong giai đoạn 2026-2030**

Thực hiện Công văn số 1840/UBND-TH ngày 24/4/2023 của UBND tỉnh về việc sơ kết 3 năm thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo như sau:

#### **Phần thứ nhất**

### **ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2023**

#### **I. Công tác quản lý, điều hành thực hiện các chương trình MTQG**

##### **1. Công tác truyền thông, thông tin về các chương trình MTQG**

Thực hiện Nghị quyết số 120/2020/NQ-QH14 ngày 19/6/2022 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 24/2021/NQ-QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 25/2021/NQ-QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đoạn 2021-2025; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; các chương trình, đề án, kế hoạch và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan triển khai thực hiện Chương trình, Sở Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo, tổ chức triển khai, quán triệt thực hiện đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong toàn ngành; thực hiện tốt định hướng tuyên truyền dưới nhiều hình thức phong phú, sáng tạo: Xuất bản Bản tin Giáo dục; viết tin bài đăng trên cổng thông tin của tỉnh, của ngành; tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, các hoạt động văn hóa văn nghệ; tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề...

Việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt, học tập các Nghị quyết, Chương trình... của trung ương và của tỉnh được thực hiện kịp thời, nghiêm túc, đã tạo chuyển biến rõ rệt về nhận thức của cán bộ, đảng viên, giáo viên ngành về thực

hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; tạo được sự đồng thuận, thống nhất của hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên và nhân dân; từ đó tạo động lực mạnh mẽ tổ chức thực hiện đổi mới giáo dục, nâng cao dân trí, xóa đói, giảm nghèo, phát triển KT-XH.

## **2. Ban hành các văn bản hướng dẫn, cụ thể hoá các quy định của TW; tham mưu ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương**

Căn cứ hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo đã chủ động xây dựng các kế hoạch và văn bản chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện: Kế hoạch số 54/KH-SGD&ĐT ngày 30/3/2022 về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM-GNBV và thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 24/5/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2022; Hướng dẫn số 02/HD-SGD&ĐT ngày 12/9/2022 về quy trình đánh giá thẩm định và công nhận các tiêu chí về giáo dục trong Bộ tiêu chí thôn - xã NTM, NTM nâng cao và thôn kiểu mẫu tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022-2025; Công văn số 1710/SGD&ĐT-KHTH ngày 27/9/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai thực hiện Tiểu dự án 1; nội dung 2 Tiểu dự án 2 - Dự án 5 thuộc Quyết định số 1719/QĐ-TTg. Đồng thời tham mưu cho tỉnh ban hành các chính sách đầu tư phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo<sup>1</sup>.

---

<sup>1</sup> HĐND tỉnh ban hành: Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 Quy định các chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 27/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 Quy định mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ để phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 16/7/2020 Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 Tiếp tục thực hiện hỗ trợ cho học sinh các xã khu vực II, khu vực III hoàn thành nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 Quy định về nội dung, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi đối với giáo dục phổ thông; hỗ trợ cho học sinh nội trú, bán trú, học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong thời gian ôn tập, thi tốt nghiệp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 Tiếp tục hỗ trợ cho học sinh các xã khu vực II, khu vực III hoàn thành nông thôn mới năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 Hỗ trợ kinh phí cho học sinh nội trú, bán trú và học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022; Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 Quy định khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 Bổ sung chương III vào Quy định các chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 Hỗ trợ học phí cho trẻ em tại cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 10/3/2023 Hỗ trợ học phí năm học 2022-2023 cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, học viên giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

UBND tỉnh ban hành: Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 09/3/2021 Kế hoạch thực hiện Đề án số 06-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai về đổi mới, phát triển, nâng cao chất lượng Giáo dục toàn diện - Nguồn nhân lực - Khoa học công nghệ tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 04/4/2022 Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi và thí điểm thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 4 tuổi tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 273/KH-UBND ngày 08/8/2022 Đào tạo giáo viên tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022-2026 theo Nghị định 116/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ; Kế hoạch số 305/KH-UBND ngày 12/9/2022 Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu mầm non, phổ thông thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và phổ cập giáo dục mầm non 4 tuổi trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2022-2027; Kế hoạch số 336/KH-UBND ngày 29/9/2022 Tiếp tục rà soát, sắp xếp trường, lớp đối với giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2022-2030; Kế hoạch số 354/KH-UBND ngày 24/10/2022 Chuyển đổi số trong ngành GD&ĐT Lào Cai giai

### **3. Thành lập, kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình**

Thành lập Tổ giúp việc, giúp đỡ các xã xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 169/QĐ-SGD&ĐT ngày 08/3/2021 và Quyết định số 720/QĐ-SGD&ĐT ngày 09/5/2021 của Sở GD&ĐT).

Duy trì tốt các hoạt động của Tổ tổng hợp, Tổ giúp việc, giúp đỡ các xã xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; thường xuyên trao đổi và tổ chức làm việc trực tiếp với Ban chỉ đạo các xã được UBND tỉnh phân công giúp đỡ; phối hợp cùng các ban, ngành của huyện tổ chức rà soát Quy hoạch và Đề án của xã; vận động, huy động các nguồn lực ủng hộ, giúp đỡ cho các xã trong thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững...

## **II. Công tác cân đối ngân sách nhà nước và huy động nguồn lực, quản lý, sử dụng nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia**

### **1. Công tác cân đối ngân sách nhà nước và huy động nguồn lực**

Chủ động phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu cho tỉnh ban hành cơ bản đầy đủ các cơ chế, chính sách để quản lý, tổ chức thực hiện các CTMTQG tại địa phương theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ và các Văn bản của TW và Thông tư 02 của Ủy ban Dân tộc<sup>2</sup>.

### **2. Công tác quản lý, sử dụng nguồn lực**

Thực hiện Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND tỉnh ban hành quy định một số nội dung về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai, Sở Giáo dục và Đào tạo được giao nhiệm vụ chủ trì triển khai thực hiện Tiêu dự án 1, 2 - Dự án 5 (Chương trình 1719); phụ trách tiêu chí Trường học và tiêu chí Giáo dục trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

---

đoạn 2022-2025, định hướng đến 2030; Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 30/3/2023 Sửa đổi, bổ sung Kế hoạch số 336/KH-UBND ngày 06/10/2022 của UBND tỉnh Lào Cai về tiếp tục rà soát, sắp xếp trường, lớp đổi với giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2022-2030.

<sup>2</sup> Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 19/4/2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/6/2022 quy định một số nội dung về cơ chế thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/06/2022 kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 20/06/2022 dự toán năm 2022 nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 ban hành Kế hoạch thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh Giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1395/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 tỉnh giao dự toán năm 2022, nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Kế hoạch số 284/KH-UBND ngày 15/8/2022 Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Kế hoạch số 285/KH-UBND ngày 15/8/2022 kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Năm 2022: Tổng kinh phí được giao 13.171.000.000 đồng, trong đó: Tiểu dự án 1 là 7.006.000.000 đồng; Tiểu dự án 2 là 4.070.500.000 đồng. Đã giải ngân, thanh toán là 11.8818.422.000 đồng, đạt 89,73% kế hoạch.

- Năm 2023: Tổng kinh phí được giao: 26.194.000.000 đồng, trong đó: Kinh phí giao năm 2023 là 23.766.000.000 đồng; kinh phí năm 2022 chuyển nguồn 2.428.000.000 đồng.

### **III. Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc các chương trình MTQG**

#### **1. Kết quả thực hiện các mục tiêu**

#### **1.1. Kết quả thực hiện các mục tiêu thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**

##### **1.1.1. Kết quả thực hiện tiêu chí số 5 (Trường học)**

Tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh tập trung, ưu tiên đầu tư, huy động nhiều nguồn, lồng ghép các chương trình, dự án... để đầu tư cơ sở vật chất trường, lớp học. Đến nay, 100% các cơ sở giáo dục đã có nhà lớp học kiên cố tại trường chính, với diện tích đất cơ bản đáp ứng các hoạt động giáo dục. Trong năm 2022 UBND tỉnh đã ưu tiên bố trí 109 tỷ để mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu thực hiện Chương trình GDPT 2018 và phổ cập mầm non 4 tuổi (Theo Kế hoạch số 305/KH-UBND ngày 12/9/2022 của UBND tỉnh).

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tích cực triển khai xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia gắn với thực hiện Chương trình xây dựng NTM. Tính đến hết 31/5/2023, toàn tỉnh có 398/602 trường học đạt chuẩn quốc gia, đạt 66,1% (tăng 08 trường, 1,32% so với cùng kỳ); có 82/127 xã hoàn thành tiêu chí 5, đạt 64,5%.

##### **1.1.2. Kết quả thực hiện tiêu chí số 14 (Giáo dục)**

Tiếp tục chỉ đạo các Phòng GD&ĐT, các cơ sở giáo dục tập trung nâng cao chất lượng giáo dục, củng cố, duy trì và nâng cao mức độ đạt chuẩn PCGD; xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia gắn với việc xây dựng cảnh quan trường, lớp “xanh, sạch, đẹp” và Chương trình xây dựng nông thôn mới.

Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ đạt 31%; huy động trẻ mẫu giáo đạt 98% (riêng mẫu giáo 5 tuổi đạt 99,9%); huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99,9%; học sinh hoàn thành chương trình TH học lên lớp 6 đạt 99%...

Công tác PCGD tiếp tục được đẩy mạnh, duy trì vững chắc ở 100% xã, phường, thị trấn: Có 30/152 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGDMN 4 tuổi; 152/152 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGDMN 5 tuổi; 152/152 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3; 68/152 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGDTHCS mức độ 3; 151/152 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn XMC mức độ 2.

- Tổng số xã hoàn thành tiêu chí 14 là 95/127 đạt 74,8%.

##### **1.1.3. Kết quả thực hiện tiêu chí số 5 (Quyết định số 320/QĐ-TTg)**

Thực hiện chỉ đạo của tỉnh về xây dựng huyện Bảo Yên, Văn Bàn hoàn thành tiêu chí nông thôn mới theo Quyết định 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của

Thủ tướng Chính phủ, Sở GD&ĐT đã chủ động phối hợp với các huyện rà soát các tiêu chí, xây dựng đề án triển khai thực hiện.

Tham mưu huy động mọi nguồn lực, lồng ghép với các nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư nâng cấp các công trình hạ tầng; thường xuyên kiểm tra, sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình. Đến nay, huyện Bảo Yên có 3/4 trường THPT đạt chuẩn, đạt 75%; huyện Văn Bàn có 3/5 trường THPT đạt chuẩn, chiếm 60%.

## **1.2. Kết quả thực hiện các mục tiêu thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**

Thực hiện các chỉ tiêu kế đạt 100% kế hoạch giao. Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ đạt 31%; huy động trẻ mẫu giáo đạt 98% (riêng mẫu giáo 5 tuổi đạt 99,9%); huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99,9%; học sinh hoàn thành chương trình TH học lên lớp 6 đạt 99%...

Tích cực triển khai xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia gắn với xây dựng Nông thôn mới, đến nay có **398 trường**, đạt 66,1% (tăng 02 trường, tăng 1,32% so với năm 2021).

## **1.3. Kết quả thực hiện dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc các chương trình MTQG**

- Năm 2022: Tổng kinh phí được giao 13.171.000.000 đồng, trong đó: Tiểu dự án 1 là 7.006.000.000 đồng; Tiểu dự án 2 là 4.070.500.000 đồng. Đã giải ngân, thanh toán là 11.8818.422.000 đồng, đạt 89,73% kế hoạch vốn giao (Mua sắm 266 ti vi cho các lớp học; thanh toán chế độ cử tuyển cho 81 sinh viên thuộc chế độ cử tuyển (trong đó 06 chỉ tiêu tuyển mới năm 2022).

- Năm 2023: Tổng kinh phí được giao: 26.194.000.000 đồng, trong đó: Kinh phí giao năm 2023 là 23.766.000.000 đồng; kinh phí năm 2022 chuyển nguồn 2.428.000.000 đồng.

*(Có phụ biểu chi tiết thực hiện các chương trình MTQG đính kèm)*

## **2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ**

### **2.1. Phát triển quy mô, mạng lưới trường, lớp hợp lý đáp ứng tốt nhu cầu học tập của nhân dân**

Đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 366/KH-UBND ngày 06/10/2022 về tiếp tục rà soát, sắp xếp trường, lớp đối với giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022-2030, tập trung: giảm, xóa, gộp điểm trường, giảm lớp, giảm học sinh ở điểm trường lẻ, tăng số học sinh ở trường chính, tăng số học sinh/lớp để tập trung đầu tư; gắn sắp xếp trường, lớp với thực hiện tinh, giản biên chế, đáp ứng tốt nhu cầu học tập của nhân dân, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Trong năm 2022, tiếp tục sáp nhập được 06 trường thành 03 trường; sáp nhập (gộp) 19 điểm trường mầm non và tiểu học; xóa 72 điểm trường; đưa 2.233 học sinh lớp 3, 4, 5 ở điểm trường về học tại trường chính.

Về phát triển quy mô trường, lớp, học sinh: Năm học 2022-2023, toàn tỉnh có 612 trường, 8.197 lớp với 229.503 học sinh (so với năm học 2021-2022

tăng 3.817 học sinh), chia ra: Mầm non 197 trường, 2.358 nhóm/lớp, 57.397 trẻ; Tiểu học 182 trường, 3.423 lớp, 86.094 học sinh (giảm 77 lớp, tăng 750 học sinh); THCS 187 trường, 1.745 lớp, 59.287 học sinh (tăng 29 lớp, 1.164 học sinh); THPT 36 trường, 572 lớp, 22.660 học sinh (tăng 19 lớp, 1.113 học sinh); Trung tâm GDNN&GDTX 10 trung tâm, 99 lớp, 4.065 học viên (tăng 5 lớp, 808 học viên).

## **2.2. Phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn**

Tích cực triển khai thực hiện Đề án phát triển hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú giai đoạn 2020-2025.

Thực hiện chuẩn hóa giáo dục vùng cao; nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ; tăng cường dạy tiếng Việt cho trẻ em 5 tuổi người dân tộc thiểu số; chuẩn bị các điều kiện cho trẻ em trước khi vào lớp 1; xây dựng và nhân rộng mô hình đặc thù trong trường nội trú, bán trú gắn với hướng nghiệp và dạy nghề.

Chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện các trường PTDT nội trú, PTDT bán trú; đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với học sinh dân tộc thiểu số; đảm bảo chất lượng dạy tiếng Việt và tiếng dân tộc. Chú trọng giáo dục đoàn kết các dân tộc, văn hóa các dân tộc cho học sinh; thực hiện các hoạt động giáo dục đặc thù.

Đến nay, toàn tỉnh có toàn tỉnh có 9 trường PTDT nội trú (trong đó có 01 trường PTDTNT tỉnh, 08 trường PTDTNT huyện, thị xã được nâng cấp thành trường PTDTNT THCS&THPT), 134 trường PTDT bán trú (TH: 56; THCS: 78) với tổng số 1.684 lớp, 43.474 học sinh (trong đó trường PTDTNT 127 lớp, 4.417 học sinh; trường PTDTBT 1.557 lớp, 39.057 học sinh); có 131 trường phổ thông có học sinh bán trú, với tổng số 21.055 học sinh bán trú; có 5/9 trường PTDT Nội trú đạt chuẩn quốc gia, chiếm 55,5%; 70/134 trường PTDTBT đạt chuẩn quốc gia, đạt 52,2%.

## **2.3. Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục**

Chất lượng giáo dục toàn diện và hiệu quả giáo dục tiếp tục có nhiều chuyển biến rõ và toàn diện, vững chắc ở tất cả các cấp học, nhất là vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; có nhiều mô hình và giải pháp đặc thù nâng cao chất lượng giáo dục. Tỷ lệ duy trì học sinh đi học các cấp học (Mầm non 5 tuổi 99,8 %, Tiểu học 99,9%, THCS 98,4%), tỷ lệ học sinh đi học chuyên cần (Mầm non 5 tuổi 95,6 %, Tiểu học 98,5%, THCS 98,2% %, THPT 98,3%).

Chú trọng giáo dục toàn diện, rèn kỹ năng sống, lý tưởng, hoài bão cho học sinh, gắn giáo dục hội nhập với việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc; bồi dưỡng, phát hiện học sinh giỏi, học sinh năng khiếu và nghiên cứu khoa học, kết quả:

- Thi tốt nghiệp THPT hằng năm đạt kết quả cao và ổn định, năm 2022 tỷ lệ đỗ tốt nghiệp đạt 99,57% (tăng 0,31%), điểm trung bình thi toàn tỉnh đạt 6, 547 điểm, tăng 0,092 điểm so với năm 2021, xếp thứ 17/63 tỉnh, thành phố (tăng 07 bậc so với năm 2021).

- Thi học sinh giỏi THPT cấp tỉnh năm 2023 có 758 học sinh đạt giải (30 giải của HS khối GDTX), trong đó: 35 Giải Nhất (01 giải nhất của HS khối GDTX), 176 Giải Nhì (06 giải nhì của HS khối GDTX); 236 Giải Ba (10 giải của HS khối GDTX); 311 Giải Khuyến khích (13 giải của HS khối GDTX).

- Thi học sinh giỏi quốc gia: Năm 2023, Lào Cai có 44 học sinh đạt giải (chiếm 64,7% tổng số học sinh tham dự), trong đó có 02 giải Nhất, 07 giải Nhì, 17 giải Ba và 18 giải Khuyến khích, tăng 02 giải nhất so với năm 2022; duy trì ở vị trí tốp đầu trong 15 tỉnh trung du miền núi phía Bắc; xếp thứ nhất trong Cụm thi đua (theo thứ tự các tỉnh có tổng số giải).

- Tại cuộc thi nghiên cứu khoa học quốc tế dành cho thanh niên năm 2023 tổ chức tại Bali, Indonesia (tham dự thi bằng Tiếng Anh), Việt Nam có 06 đội tham gia, trong đó tỉnh Lào Cai có 04 đội. Kết quả: Lào Cai đạt 05 giải (02 giải vàng của học sinh trường THPT số 3 Lào Cai và THCS Lê Quý Đôn; 01 giải bạc và 01 giải đồng của học sinh trường THCS Lý Tự Trọng; 01 dự án đạt giải bán kết của học sinh trường THPT số 3 Lào Cai); tại cuộc thi sáng tạo khoa học về doanh nghiệp và môi trường khu vực Đông Nam Á (AISEFF) năm 2023, Dự án của học sinh trường THPT số 1 TP Lào Cai đạt huy chương đồng.

#### **2.4. Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh; xây dựng xã hội học tập**

Đã tham mưu cho UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 04/4/2022 về duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, thí điểm thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 4 tuổi giai đoạn 2021-2025; Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND huyện, thị xã, thành phố đã xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện.

Kết quả: Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và xóa mù chữ ở 100% xã, phường, thị trấn (trong đó có: 30/152 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGDMN 4 tuổi; 152/152 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGDMN 5 tuổi; 152/152 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3; 68/152 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGDTHCS mức độ 3; 151/152 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn XMC mức độ 2).

Thực hiện Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2019-2025 (Quyết định số 2567/QĐ-UBND ngày 18/8/2019 của UBND tỉnh), Sở Giáo dục và Đào tạo đã chú trọng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về trách nhiệm và tầm quan trọng của việc phân luồng học sinh sau THCS và THPT. Đồng thời, giúp cha, mẹ học sinh và học sinh nhận thức rõ, đúng đắn hơn việc học tập và cơ hội học tập, làm việc là yêu cầu trong quá trình đảm bảo cơ cấu hợp lý nguồn nhân lực xã hội. Đến nay, 100% trường THCS và THPT có chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Kết quả khảo sát phân luồng, hướng nghiệp học sinh sau tốt nghiệp THCS năm học 2021-2022 có chuyển biến<sup>3</sup>. Tuy nhiên, còn một số huyện có tỷ lệ học

5. Phân luồng học sinh sau THCS: Tổng số học sinh tốt nghiệp THCS: 13.244 (tăng 668 HS so với năm 2021); học tiếp lên THPT đạt 8.346/13.244 (63%); học nghề các trình độ đạt 2.783 (21%) (Trong đó tính cả HS

sinh không học tiếp, tỷ lệ học sinh tham gia lao động trực tiếp còn cao như: Văn Bàn, Bắc Hà, Bảo Thắng, Bát Xát.

### **2.5. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa và hiện đại hóa; đảm bảo đủ kinh phí cho giáo dục**

Tiếp tục tham mưu cho tỉnh, ưu tiên nguồn lực đầu tư và được lồng ghép với các chương trình, dự án, xã hội hóa giáo dục. Cơ sở vật chất trường, lớp học được đầu tư theo hướng chuẩn hóa, kiên cố hóa, hiện đại hóa. Việc đầu tư được gắn với Đề án rà soát, điều chỉnh mạng lưới trường, lớp học và chương trình xây dựng nông thôn mới, nhất là đối với các cơ sở giáo dục ở vùng cao, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trường PTDT nội trú, bán trú.

Về thực hiện đầu tư xây dựng phòng học, phòng học bộ môn giai đoạn 2022-2025: Tổng danh mục công trình được giao là 251 danh mục công trình, với kinh phí đầu tư 3.115.776 triệu đồng (Trong đó: Vốn CTMT 672.126 triệu đồng, thực hiện 44 công trình; Ngân sách tỉnh 2.047.250 triệu đồng; Ngân sách huyện 377.601; Huy động khác 18.799 triệu đồng). Thực hiện đầu tư năm 2022, 2023 là 234/251 công trình, năm 2024, 2025 là 17 công trình. Kết quả: Đang thực hiện đầu tư 251 công trình, chia ra: Các trường THPT 20 công trình (*Đang thi công 10 công trình*); các huyện, thị xã, thành phố 231 công trình (đã khởi công 72 công trình; đang lập báo cáo kinh tế kỹ thuật 59; thực hiện năm 2024, 2025 là 17 công trình).

Về mua sắm thiết bị dạy học thực hiện Chương trình GDPT 2018 và phổ cập mầm non 4 tuổi: Đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 305/KH-UBND ngày 12/9/2022 với tổng kinh phí 849,254 tỷ đồng. Thực hiện năm 2022 là 134.133 triệu đồng (Trong đó: Ngân sách tỉnh 117.017 triệu; Sự nghiệp CTMT 1719 là 7.006 triệu; Ngân sách huyện 5.200 triệu đồng; Chương trình Sóng và máy tính cho em 4.910 triệu đồng). Kết quả: Có 7/11 đơn vị huyện, thị xã và Sở GD&ĐT đã tổ chức mua sắm được TBDH.

Tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 76,1% (tăng 1,2% so với năm 2020); Tích cực chỉ đạo triển khai xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, đến nay đã có 398 trường, đạt 66,1% (tăng 8 trường, tăng 2,05% so với năm 2021).

## **IV. Đánh giá chung**

### **1. Ưu điểm**

Thực hiện các nhiệm vụ giáo dục gắn với thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo các cấp ủy, đảng, các Sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố, đặc biệt là Ngành Giáo dục trong tham mưu, tổ chức hiện thể hiện rõ quyết tâm chính trị, có nhiều giải pháp cụ thể, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn của Lào Cai, nhiều mục tiêu của giáo dục đã hoàn thành và vượt mức, có ý nghĩa quan trọng thực hiện xây dựng nông thôn mới và thực hiện đổi mới giáo dục theo Nghị quyết 29 của TW.

---

*học tại các TT GDTX*): So với mục tiêu đạt 84% (21/25%). HS tốt nghiệp THPT: 6.964. Phân luồng học sinh sau THPT: Tổng số HS tốt nghiệp THPT là 6.956 học sinh, trong đó số đăng ký xét tuyển vào Đại học là 2.765 học sinh (đạt 39,75%); đăng ký học các trường CĐ, TCCN và học nghề là 2.373 học sinh (đạt 34,11%); Thôi học tham gia lao động trực tiếp 2.123 học sinh (chiếm 30,52%).



Công tác quán triệt, triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia đã được ngành giáo dục triển khai đồng bộ, gắn với việc thực hiện nhiệm vụ năm học, nhiệm vụ của từng trường và từng địa phương. Các đồng chí lãnh đạo Sở GD&ĐT được phân công giúp đỡ các xã, đã chủ động làm việc cùng với lãnh đạo các xã, có các giải pháp hiệu quả để phát triển kinh tế, xã hội. Đồng thời, huy động các nguồn lực để giúp đỡ các xã, góp phần phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

Quy mô, mạng lưới trường lớp tiếp tục phát triển phù hợp, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân và nhiệm vụ nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực của địa phương. Hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán phát triển mạnh và ngày càng hoàn thiện, trở thành hệ thống trụ cột của sự nghiệp phát triển giáo dục vùng cao, vùng dân tộc thiểu số.

Chất lượng giáo dục toàn diện đã có bước tiến bộ vững chắc và rõ nét; duy trì và nâng cao chất lượng PCGD; trường học đạt chuẩn Quốc gia tiếp tục tăng, trong đó có nhiều trường đạt chuẩn mức độ 2, qua đó góp phần quan trọng thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

Cơ sở vật chất trường, lớp học tiếp tục được đầu tư và từng bước được tăng cường theo hướng kiên cố hoá, hiện đại hóa và chuẩn hóa; xây dựng được nhiều mô hình giáo dục sáng tạo, tiên tiến, phù hợp với Lào Cai; nhiều trường vùng cao có cơ sở vật chất tốt, cảnh quan đẹp, hoạt động giáo dục sôi nổi, chất lượng.

Cùng với chính sách hỗ trợ của Trung ương, tỉnh Lào Cai đã ban hành các đề án, cơ chế chính sách của địa phương phù hợp với thực tiễn phát triển giáo dục miền núi, vùng cao; các cơ chế chính sách thực sự đi vào cuộc sống của người dân, đặc biệt đối với các cơ sở giáo dục, học sinh ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

## **2. Hạn chế, khó khăn và nguyên nhân**

Một số quy định, cơ chế, chính sách của Trung ương chưa được sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung kịp thời để giải quyết các vấn đề lớn mà thực tiễn đang đặt ra. Cụ thể: (1) Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2030 chưa ban hành; (2) cơ chế tài chính cho các trường PTDT nội trú không còn phù hợp (Thông tư ban hành năm 2009); (3) quy định dạy thêm, học thêm; (4) cơ chế xã hội hóa dạy học 2 buổi/ngày; (5) chuyển đổi các trường mầm non công lập ra ngoài công lập ở nơi có khả năng xã hội hóa cao; (6) không có lộ trình thôi hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn cho trẻ mẫu giáo, học sinh đối với các xã khu vực III đạt chuẩn nông thôn mới; (7) biên chế giáo viên không tăng trong khi đó quy mô giáo dục tăng nhanh hàng năm; thiếu nguồn tuyển giáo viên nhất là môn toán, tiếng Anh, tin học, Mỹ thuật (8) cơ chế in, phát hành tài liệu giáo dục địa phương (chưa có hướng dẫn TW).

Dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục, đặc biệt đối với học sinh vùng cao, vùng khó khăn do thiếu các phương tiện học tập trực tuyến (máy tính, ti vi, điện thoại thông minh, máy tính bảng...).

Nhận thức về yêu cầu, bản chất đổi mới giáo dục của một số ít cấp ủy, chính quyền các cấp, một số cán bộ quản lý, giáo viên còn chưa thực sự sâu sắc; còn có cán bộ quản lý, giáo viên chậm đổi mới tư duy, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục, nhất là đối với những giáo viên tuổi cao, công tác lâu năm ở vùng dân tộc thiểu số ngại thay đổi.

Chất lượng giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi số mặc dù đã được nâng lên nhưng chưa bền vững, còn có học sinh hạn chế về tiếng Việt và kỹ năng làm toán. Chưa huy động được tối đa số học sinh tốt nghiệp THCS đi học nghề. Một số xã vùng cao tại một số thời điểm tỷ lệ học sinh đi học chuyên cần đã được nâng lên nhưng vẫn còn chưa cao, còn có học sinh bỏ học; tảo hôn vẫn chưa có biện pháp để khắc phục triệt để.

Giáo viên có năng lực chuyên môn giỏi còn ít. Một số giáo viên người dân tộc thiểu số công tác lâu năm tại các thôn, xã đặc biệt khó khăn còn hạn chế về chuyên môn và phương pháp dạy học. Rất khó khăn tuyển dụng đảm bảo chỉ tiêu giáo viên một số môn học, đặc biệt giáo viên ngoại ngữ, tin học; âm nhạc, mỹ thuật đối với khối THPT. Thiếu theo định mức, chỉ tiêu biên chế được giao, phải tăng cường giáo viên từ các trường khác đến giúp.

Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, nhất là ở vùng cao tuy đã được quan tâm đầu tư, nhưng còn nhiều khó khăn, đặc biệt phòng học bộ môn, thiết bị dạy học tối thiểu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018. Hạ tầng công nghệ thông tin khó khăn, kinh phí thực hiện chuyển đổi số hạn hẹp. Một số trường học ở phường trung tâm thành phố có quy mô số lớp, số học sinh, số HS/lớp đông đã ảnh hưởng (Tiểu học Bắc Cường có trên 1.800 HS, 45 lớp, TB 46HS/lớp, định mức là 35 HS/lớp) ảnh hưởng đến việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Một số xã vùng cao có tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên THPT và GDTX còn thấp; còn có trường THCS, THPT vùng cao tỷ lệ học sinh đi học chuyên cần ở một số thời điểm thấp, một số học sinh còn bỏ học; chất lượng giáo dục ở một số xã vùng cao mặc dù có chuyển biến nhưng còn chậm.

## **Phần thứ hai**

### **ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2023-2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRONG GIAI ĐOẠN 2026-2030**

#### **I. Đề xuất giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2023-2025**

##### **1. Tăng cường công tác tuyên truyền thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia**

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua "Lào Cai xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững" và các phong trào thi đua chuyên đề do tỉnh phát động. Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới trong ngành giáo dục, gắn với thực hiện các phong trào thi đua, các chương trình, đề án, kế hoạch của ngành và địa phương.

Các đồng chí lãnh đạo Sở GD&ĐT được phân công giúp đỡ xây dựng NTM, tiếp tục xây dựng kế hoạch giúp đỡ, thường xuyên tăng cường bám sát và phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền, Ban chỉ đạo Nông thôn mới xã có các giải pháp để phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

## **2. Quy hoạch, phát triển mạng lưới trường, lớp học và quy mô giáo dục**

Tiếp tục thực hiện rà soát, điều chỉnh mạng lưới trường, lớp học đối với giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên, giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2030 (tích hợp trong quy hoạch tỉnh Lào Cai), trong đó tập trung:

Các cấp quản lý giáo dục tích cực tham mưu với UBND huyện, thị xã, thành phố rà soát, thực hiện quy hoạch mạng lưới trường, lớp học; mở rộng quỹ đất, đảm bảo đủ diện tích theo quy định đối với trường chuẩn quốc gia, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trường.

Xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới, quy mô trường, lớp các cấp học từng năm đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế địa phương. Tập trung đầu tư, phát triển trường THPT Chuyên; hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú ở vùng cao, vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn.

Củng cố phát triển mô hình hoạt động của các Trung tâm HTCD theo hướng bền vững, linh hoạt và hiệu quả nhằm đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên, liên tục, suốt đời cho mọi người dân.

## **3. Xây dựng CSVC, tăng cường đầu tư trang thiết bị đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo**

Triển khai thực hiện có hiệu quả các Chương trình, Đề án, Kế hoạch về phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021-2025; tham mưu cho tỉnh ưu tiên, tập trung nguồn vốn, trên cơ sở lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án: Chương trình xây dựng NTM và giảm nghèo bền vững, Chương trình MTQG về giáo dục, nước sạch và vệ sinh nông thôn... để bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các nhà trường.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục, các Phòng GD&ĐT huyện, thị xã, thành phố tăng cường khai thác, quản lý và sử dụng có hiệu quả trang thiết bị dạy học, các phòng học bộ môn, thư viện, thiết bị, phòng chức năng khác để hỗ trợ giảng dạy. Tổ chức các phong trào tự làm đồ dùng, thiết bị dạy học của giáo viên và học sinh.

Các Phòng GD&ĐT, các cơ sở giáo dục chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương, hàng năm cân đối ngân sách phù hợp và huy động mọi nguồn lực để thực hiện đầy đủ các tiêu chuẩn cần thiết, liên quan đến cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học nhằm đảm bảo việc xây dựng trường chuẩn quốc gia tại địa phương theo lộ trình đề ra.

Đẩy mạnh xã hội hóa, vận động nhân dân, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp tự nguyện đóng góp kinh phí hợp pháp xây dựng CSVC trường học, mua sắm thiết bị dạy học.

#### **4. Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và hiệu quả giáo dục, đào tạo**

Chủ động, tích cực chuẩn bị các điều kiện triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

Đổi mới mạnh mẽ đồng bộ về nội dung, hình thức, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học. Chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, kỹ năng sống; phát huy tính tích cực, chủ động, năng lực sáng tạo của học sinh, sinh viên. Mở rộng, nâng cao chất lượng dạy học môn tin học, môn ngoại ngữ ở các cơ sở giáo dục.

Đánh giá, tổng kết và nhân rộng các mô hình trường học, mô hình tổ chức các hoạt động giáo dục, đổi mới phương pháp giáo dục, mô hình quản lý giáo dục hiệu quả của giáo dục Lào Cai.

Rà soát, đánh giá, quy hoạch, xác định lộ trình phát triển hệ thống trường chuẩn quốc gia; xây dựng trường chất lượng cao để thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, hợp tác quốc tế, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; tạo bước đột phá về chất lượng giáo dục; bồi dưỡng nhân tài, tạo nguồn đào tạo nhân lực chất lượng cao.

Các cơ sở giáo dục đào tạo thực hiện công khai và cam kết chất lượng và điều kiện đảm bảo chất lượng. Xây dựng và công bố chuẩn đầu ra của từng cấp học, chương trình và chuyên ngành đào tạo. Tăng cường quản lý nhà nước, kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, đào tạo, đặc biệt là các cơ sở ngoài công lập, chương trình đào tạo không chính quy, có yếu tố hợp tác quốc tế.

Tiếp tục đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin; tập trung đầu tư phòng tin học, máy chiếu; thiết bị dạy học tiên tiến, phù hợp cho các cơ sở giáo dục; khai thác, sử dụng hiệu quả các phần mềm phục vụ dạy, học và quản lý; đồng thời, rà soát, điều chỉnh, nâng cấp các phần mềm cho phù hợp.

#### **5. Củng cố vững chắc, phát huy kết quả phổ cập giáo dục; công tác phân luồng và định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông**

Tập trung chỉ đạo nâng cao tỷ lệ học sinh đi học chuyên cần ở vùng cao đảm bảo bền vững. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện bền vững, thực chất, trọng tâm là chất lượng giáo dục vùng cao, cấp THCS.

Củng cố kết quả, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục đảm bảo bền vững; phát huy hiệu quả công tác PCGD THCS, đẩy mạnh triển khai thực hiện phổ cập mầm non cho trẻ 4 tuổi.

Đẩy mạnh và có giải pháp sáng tạo, hiệu quả trong XMC và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ tập trung vào thanh niên, phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ ở vùng cao, người trong độ tuổi lao động, chống tái mù chữ.

Tuyên truyền nâng cao nhận thức về công tác hướng nghiệp, định hướng nghề nghiệp và phân luồng cho học sinh tốt nghiệp THPT tiếp tục học lên THPT, học nghề, TCCN; định hướng các hoạt động giáo dục đáp ứng được yêu cầu thị trường lao động, phục vụ nhu cầu của tỉnh (du lịch, khai khoáng, dịch vụ...)

Tiếp tục triển khai các mô hình giáo dục tiên tiến, phù hợp: Mô hình trường học gắn với lao động sản xuất (trồng rau xanh, chăn nuôi lợn, gà...); mô hình trường học gắn với du lịch; mô hình trường học; Trường học gắn với thực tiễn; trường học “Nông trường, nông trại”, trường học “Du lịch, sinh thái”, trường học “Đa văn hóa”.

### **Phần thứ ba**

## **ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ VỚI CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG**

### **1. Với Quốc hội**

Đề nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 1 Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019.

"1. Giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc.

Nhà nước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 05 tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở"

(Luật Giáo dục quy định hiện nay là: Nhà nước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở).

Lý do: Kết luận số 51-KL/TW, ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, đã nêu "*Củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và xóa chữ, nhất là phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, tiến tới phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em dưới 5 tuổi*".

### **2. Với Chính phủ**

2.1. Ưu tiên bố trí kinh phí hỗ trợ cho các địa phương, đặc biệt các tỉnh miền núi, vùng cao kinh phí triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa; kinh phí thực hiện mua sắm thiết bị tối thiểu phục vụ dạy và học theo chương trình giáo dục phổ thông mới. Chính phủ xem xét về tỷ lệ tinh giản biên chế đối với ngành giáo dục đảm bảo phù hợp đáp ứng yêu cầu thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW về đổi mới căn bản toàn diện GD-ĐT; thực hiện chương trình sách giáo khoa phổ thông mới.

2.2. Đề nghị Chính phủ điều chỉnh lộ trình học phí lùi 01 năm so với lộ trình học phí tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (đề nghị mức thu học phí năm học 2023-2024 bằng mức thu học phí năm học 2021-2022) để bảo đảm phù hợp với lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công, hỗ trợ phụ huynh, học sinh. **Lý do:** Từ đầu năm 2020, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, tác động toàn diện đến nền kinh tế nước ta, ảnh hưởng nặng nề đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội và khả năng thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội của cả nước. Để chia sẻ khó khăn với học sinh, phụ huynh, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 165/2022/NQ-CP ngày 20/12/2022 về học phí của các cơ sở giáo dục công lập năm học 2022-2023; theo đó mức học phí của cơ sở

giáo dục công lập tiếp tục được giữ ổn định qua 03 năm học (từ năm học 2020-2021 đến năm học 2022-2023). Thực tế hiện nay, đời sống người dân vẫn còn nhiều khó khăn, đặc biệt ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số Vì vậy, đề nghị Chính phủ điều chỉnh lộ trình học phí lùi 01 năm so với lộ trình học phí tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP để bảo đảm phù hợp với lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công, hỗ trợ phụ huynh, học sinh.

2.3. Đề nghị Chính phủ ban hành Nghị định về chính sách tiền lương cho các nhà giáo công tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Lý do: Tại mục 6, phần III Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã nêu: Lương của nhà giáo được ưu tiên xếp cao nhất trong hệ thống thang bảng lương hành chính sự nghiệp và có phụ cấp tùy theo tính chất công việc, theo vùng. Thực tế hiện nay các nhà giáo công tác ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi, đời sống còn nhiều khó khăn, đặc biệt thôi hưởng một số chính sách hỗ trợ khi triển khai thực hiện Quyết định số 861/QĐ-Tg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Do đời sống khó khăn, tiền lương thu nhập của giáo viên vùng cao không đảm bảo, nhất là giáo viên mới được tuyển dụng; thời gian gần đây nhiều giáo viên xin thôi việc, nhiều giáo viên xin chuyển vùng công tác, đặc biệt giáo viên có chuyên môn giỏi, có nhiều kinh nghiệm trong quản lý, giảng dạy; hiện nay, nhiều địa phương không tuyển dụng đủ số lượng giáo viên theo chỉ tiêu biên chế được giao, trong khi đó quy mô, số lượng học sinh các cấp học hằng năm tăng nhanh. Vì vậy, rất khó khăn để thực hiện nhiệm vụ giáo dục, đặc biệt các tỉnh miền núi, vùng cao.

2.4. Thực hiện Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế.

Đề nghị Chính phủ sớm cho phép ngành giáo dục được tuyển dụng, hợp đồng giáo viên theo lộ trình đào tạo đạt chuẩn (theo Đề xuất của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ).

**Lý do:** Hiện nay thiếu nguồn tuyển, số giáo viên này đủ thời gian nâng chuẩn trình độ theo Nghị định 71 của Chính phủ để đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019.

### **3. Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo**

3.1. Sớm tham mưu trình Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2030.

3.2. Sớm ban hành quy định sửa đổi định mức học sinh/lớp quy định tại Điều lệ các bậc học và định mức giáo viên/ lớp quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV ngày 16/3/2015 và Thông tư số 16/2017/TT-BGD&ĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GD và ĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập cho phù hợp với việc triển khai chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của từng vùng, miền.

#### **4. Đề nghị UBND tỉnh**

Tiếp tục ưu tiên kinh phí để tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp học giai đoạn 2021-2025 và thực hiện các mục tiêu của Đề án 6 của Tỉnh ủy giai đoạn 2020-2025.

Trên đây là Tình hình triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2023, giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2023-2025 và định hướng triển khai trong giai đoạn 2026-2030 của Sở Giáo dục và Đào tạo./.

***Nơi nhận:***

- Các sở: Tài chính, KH&ĐT;
- Ban Dân tộc;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- Lãnh đạo Sở GD&ĐT;
- Văn phòng, TCCB;
- Lưu: KHTH, VT

**GIÁM ĐỐC**

**Dương Bích Nguyệt**